TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ** **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HSST
Ngày: 02-03-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - TP. ĐÀ NẴNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Đức Tài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Hồ Hải Thành

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Sơn Trà.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 03 năm 2019, tại Cảng cá Âu thuyền Thọ Quang, Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2019/TLST-HS ngày 29/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐXXST-HS ngày 19/02/2019 đối với bị cáo:

BÙI QUANG V, (tên gọi khác: **Bùi Văn Xị**), sinh năm 1991 tại tỉnh Phú Yên; Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố Trà Long 1, phường B, thành phố C, tỉnh K; Nghề nghiệp: Làm biển; Trình độ học vấn 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông không rõ và bà Đỗ Thị T (Sn 1964); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ 2; Có vợ: Nguyễn Thị S (Sn 1995 – chưa đăng ký kết hôn) và 01 con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 19/11/2018, có mặt tại phiên tòa.

-*Bị hại:* Bà **Khổng Thị Đ**, sinh năm 1987; Địa chỉ: xã H, huyện H, tỉnh B. (Có mặt)

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông **Phạm Tấn C**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Xóm 5, Thôn P, xã H, huyện H, tỉnh B. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Quang V là thuyền viên trên tàu cá BĐ97556TS do ông Võ Minh T và bà Khổng Thị Đ làm chủ, đang neo đậu tại cầu cảng số 02 Âu thuyền Thọ Quang. Khoảng 10 giờ ngày 18/11/2018, sau khi bán cá và dọn tàu xong, V qua tàu BĐ94968TS (đang neo dậu bên cạnh tàu BĐ97556TS) nhậu cùng với Phạm Tấn C và một thuyền viên khác của tàu BĐ94968TS. Đến 11 giờ cùng ngày, chị Đ có việc gia đình nên lên bờ và để lại tiền vừa bán cá được trên ghế lái tàu BĐ97556TS. Cùng khoảng thời gian này, V quay lại tàu BĐ97556TS tìm ông T để lái tàu tránh ra cho tàu khác cập cảng. Khi đi vào cabin của tàu thì không có ai ở đó, V thấy trên ghế có một túi ni lông màu vàng, bên trong có nhiều tiền nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. V đi đến mở túi ni lông rồi rút một sấp tiền trong cộc tiền bên trong túi (loại mệnh giá 500.000 đ) bỏ vào túi quần rồi qua lại tàu BĐ94968TS để tiếp tục nhậu với Cường. Tại đây, V đưa sấp tiền rồi nói với C là tiền V trúng số đề hôm trước và nhờ C giữ hộ nên C đồng ý. C bỏ cộc tiền vào túi quần dài của C để vào cabin tàu BD94968. Sau đó, V, C lên quán Quê Hương (gần cảng cá Thọ Quang) nhậu tiếp, tại đây, C đưa lại sấp tiền cho V và V đếm được số tiền là 22.500.000 đồng. Sau khi đếm tiền, V đưa cho C 20.500.000 đồng để nhờ C cất giùm. Còn số tiền 2.000.000 đồng, V cất giữ để tiêu xài cá nhân. C nghe vậy nên đồng ý giữ tiền giúp V rồi đem số tiền này về cất vào tủ trong cabin của tàu BĐ94968TS.

***Tang vật:** 20.500.000 đồng (do anh Phạm Tấn C giao nộp); 2.000.000 đồng (Do Bùi Quang V giao nộp). Toàn bộ số tiền trên đã trao trả cho bà Khổng Thị Đ.

***Bồi thường dân sự:** Bà Khổng Thị Đ đã nhận lại tiền, không yêu cầu bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ TNHS cho Bùi Quang V.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Bùi Quang V về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Bùi Quang V từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Số tiền 22.500.000 đồng Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại nên không xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì nên không đề cập đến.

Đối với hành vi của Phạm Tấn C, do lúc V đưa tiền trộm cắp được cho C cất giữ thì C không biết đây là tiền do V trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của bị cáo Bùi Quang V: Bị cáo cảm thấy hối hận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Tấn C vắng mặt. Xét, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của ông C không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Sơn Trà, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Quang V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà đã truy tố, thể hiện: Khoảng 11 giờ ngày 18/11/2018, Bùi Quang V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tổng số tiền 22.500.000 đồng của ông Võ Minh T và bà Khổng Thị Đ để trên ghế lái tàu tại cabin của tàu BĐ97556TS đang neo đậu tại cầu cảng số 2 Âu thuyền Thọ Quang, quận Sơn Trà. Do đó, bị cáo đã phạm tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 .

Hành vi của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để đảm bảo ổn định tình hình trật tự xã hội ở địa phương, nhằm giáo dục cho bị cáo sau này không tiếp tục tái phạm tội, sữa chữa sai lầm trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhận thức pháp luật còn hạn chế, tài sản trộm cắp đã trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[6]. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Số tiền 22.500.000 đồng Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại nên HĐXX không xem xét.

[7]. Đối với hành vi của Phạm Tấn C, do lúc V đưa tiền trộm cắp được cho C cất giữ thì C không biết đây là tiền do Vinh trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT công an quận Sơn Trà không đề cập xử lý là phù hợp.

[8]. Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Bùi Quang V** phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Bùi Quang V **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/11/2018.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Bùi Quang V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- *Bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà;*
- *Công an quận Sơn Trà;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đức Tài